

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2021/KDTM-PT

Ngày: 27/10/2021

V/v *Tranh chấp hợp đồng tín dụng
và hủy hợp đồng thế chấp*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phước Thanh

Các Thẩm phán: Ông Phạm Tồn

Ông Phạm Việt Cường

Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Trang— Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: Ông Đỗ Xuân Ân- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Vào ngày 27 tháng 10 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 13/2021/TLPT-KDTM ngày 13/5/2021, về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng và hủy hợp đồng thế chấp*”.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2021/KDTM-ST ngày 24/3/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2021/QĐ-PT ngày 07 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Ngọc H.

Trú tại: thành phố Q, tỉnh Bình Định - Có mặt.

- *Bị đơn:* Ngân hàng thương mại cổ phần X Việt Nam.

Địa chỉ trụ sở: thành phố H1 Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Đức T - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Nguyên N - Phó Giám đốc Ngân hàng TMCP X Việt Nam Chi nhánh KCN P (*Văn bản ủy quyền số 718/UQ-HĐQT-NHCT18 ngày 27/6/2019*) - Có mặt.

Địa chỉ: thành phố Q, tỉnh Bình Định.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Công ty TNHH PT.

Địa chỉ: tỉnh Bình Định.

Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Phước S - Giám đốc.

Địa chỉ: tỉnh Bình Định - Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Định.

Địa chỉ: tp. Q, tỉnh Bình Định.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Xuân H - Cục trưởng.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hồng V, Phó Cục trưởng - Có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Ông Lê Phước S, sinh năm 1968. Địa chỉ: tỉnh Bình Định - Có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. Bà Đinh Thị Thu H1, sinh năm 1968

Địa chỉ: thành phố Q, tỉnh Bình Định) - Vắng mặt.

5. Ông Nguyễn Hữu L - Vắng mặt

6. Bà Trương Thị H2, hiện nay sinh sống tại Mỹ nhưng không rõ địa chỉ cụ thể - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H trình bày:

Bà và ông S là vợ chồng, trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng bà có thành lập Công ty TNHH PT (Công ty) và mua nhiều tài sản chung như: Nhà và đất ở tại số 218 đường N, tp. Q; nhà và đất tọa lạc tại tổ 5, khu vực 2, phường N, tp. Q, tỉnh Bình Định; công trình nhà xưởng chế biến gỗ, các xe ô tô; quyền sử dụng đất của công ty theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y668918... Năm 2010 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, ông S bỏ đi nên bà không biết gì về tình hình kinh doanh của công ty. Ngày 10/3/2013, bà nhận được Bản án số 38/2012/KDTM-ST ngày 07/5/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định thì bà mới biết chồng bà có vay vốn tại Ngân hàng TMCP X Việt Nam, chi nhánh khu công nghiệp P (Ngân hàng) và đã thế chấp các tài sản chung của vợ chồng để bảo đảm cho các khoản vay tại Ngân hàng. Việc vay vốn và ký kết các hợp đồng thế chấp này bà không biết và cũng không ký tên vào các hợp đồng thế chấp. Nay bà có các yêu cầu cụ thể như sau:

1. Tuyên bố 02 hợp đồng tín dụng số 03/2010/HĐTD-HM ngày 07/01/2010 và số 542/2011/0000305/HĐTD-HM ngày 30/01/2011 giữa Ngân hàng với công ty không hợp pháp vì ông Lê Phước S đại diện cho công ty ký kết hợp đồng vay vốn của Ngân hàng không đúng quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty TNHH PT.

2. Hủy 10 hợp đồng bảo lãnh và thế chấp tài sản để đảm bảo nghĩa vụ cho các khoản vay theo 02 hợp đồng tín dụng trên gồm:

- 02 hợp đồng được xác lập giữa vợ chồng bà Nguyễn Thị Ngọc H, ông Lê Phước S với Ngân hàng gồm: Hợp đồng số 05040010/HĐBL ngày 20/01/2005 và hợp đồng số 219/HĐTC ngày 05/11/2010;

- 08 hợp đồng được xác lập giữa Công Ty với Ngân hàng do ông Lê Phước S đại diện cho Công ty PT xác lập với Ngân hàng gồm các hợp đồng: Số 114/2010/HĐTC ngày 17/8/2010, số 74/2010/HĐTC ngày 17/6/2010, số

76/2010/HĐTC ngày 17/6/2010, số 75/2010/HĐTC ngày 17/6/2010, số 112/2010/HĐTC ngày 27/8/2010, số 113/2010/HĐTC ngày 27/8/2010, số 156/2010/HĐTC ngày 05/11/2010, số 07/2011/HĐTC ngày 28/01/2011.

3. Yêu cầu Ngân hàng phải trả lại cho bà 50% giá trị tài sản đã được Công ty tự bán và được phát mãi thi hành án là 14.740.369.774 đồng : 2 = 7.370.184.887 đồng, đồng thời buộc Ngân hàng phải trả lại giấy tờ liên quan đến nhà, đất đã thế chấp là ngôi nhà số 218 N, tp. Q và nhà đất tọa lạc tại tổ 5, khu vực 12, phường N, tp. Q.

4. Đề nghị tòa hủy kết quả bán đấu giá nhà xưởng, trang trại bò sữa.

Bà H không đồng ý việc Ngân hàng rút đơn khởi kiện.

Bị đơn đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP X Việt Nam ông Nguyễn Nguyễn Ngọc trình bày:

Công ty TNHH PT (Công ty) đã vay vốn tại Ngân hàng TMCP X Việt Nam (Ngân hàng) với mục đích vay để chi phí sản xuất, chế biến gỗ thông qua hai hợp đồng tín dụng và công ty đã dùng rất nhiều tài sản thế chấp cho Ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của hai hợp đồng tín dụng nói trên. Tính đến ngày 30/9/2019 công ty còn nợ của Ngân hàng tổng cộng là 47.867.131.795đ (trong đó nợ gốc 14.383.130.226đ, nợ lãi trong hạn 23.706.681.905đ, lãi phạt quá hạn 9.777.319775đ). Thông qua Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Định thực hiện việc thi hành án, phát mại tài sản thế chấp của công ty, ngân hàng đã thu hồi được nợ gốc là 14.740.369.774đ. Do công ty vi phạm hợp đồng, không thực hiện việc trả nợ nên Ngân hàng đã khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc công ty phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng và vụ án đã qua nhiều lần, nhiều cấp xét xử nhưng tới nay vẫn chưa có kết quả cuối cùng. Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 30/11/2018 Ngân hàng đã tự nguyện rút đơn khởi kiện Công ty. Nay Ngân hàng vẫn giữ nguyên việc rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện Công ty, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết việc rút yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng theo đúng quy định của pháp luật. Đối với yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị Ngọc H yêu cầu tuyên bố hai hợp đồng tín dụng không hợp pháp và hủy 10 hợp đồng bảo lãnh, thế chấp đồng thời yêu cầu Ngân hàng phải trả lại 50% của số tiền 14.740.369.774 đồng mà Ngân hàng thu hồi nợ từ việc bán tài sản thế chấp và trả lại lại giấy tờ liên quan đến nhà, đất đã thế chấp là ngôi nhà số 218 N, tp. Q và nhà đất tọa lạc tại tổ 5, khu vực 12, phường N, tp. Q thì Ngân hàng không đồng ý vì yêu cầu của bà H là không có căn cứ. Ngân hàng đã rút đơn khởi kiện nên không có yêu cầu hay trình bày gì thêm.

Đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH PT đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Phước S trình bày:

Ông thống nhất Công ty TNHH PT có vay của Ngân hàng TMCP X Việt Nam, do thời gian quá lâu nên ông không còn nhớ số tiền vay và lãi là bao nhiêu nhưng Ngân hàng đã khởi kiện và xử lý các tài sản thế chấp của công ty để thu hồi nợ. Ông không yêu cầu tòa giải quyết về vấn đề tài sản đã xử lý thi hành án vì công ty đã ngừng hoạt động và không còn tài sản. Đối với những yêu cầu khởi kiện của

bà Nguyễn Thị Ngọc H ông không đồng ý vì bà H là người không liên quan gì đến tài sản của công ty mà tài sản của công ty là tài sản được hình thành từ nguồn vốn vay và huy động khác để kinh doanh, việc bà H yêu cầu là không có cơ sở, ông yêu cầu Tòa án bác bỏ yêu cầu độc lập của bà H. Ông đồng ý việc Ngân hàng rút đơn khởi kiện và ông không phản tố và cũng không có ý kiến gì khác.

Đại diện theo ủy quyền của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Định bà Nguyễn Lê Kim Ánh, trình bày:

Sau khi nhận đơn yêu cầu thi hành án của Ngân hàng, Cục trưởng Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Định đã ra quyết định thi hành án. Trong quá trình tổ chức thi hành án, công ty không tự nguyện thi hành án nên ngày 12/9/2012 Chấp hành viên đã phối hợp với các ban ngành và chính quyền địa phương đã tiến hành cưỡng chế, kê biên xử lý các tài sản của công ty. Đến ngày 08/7/2014 đã bán đấu giá thành với tổng số tiền là 11.536.500.000đ, đã chuyển cho Ngân hàng 10.500.000.000đ, còn giữ lại 1.036.500.000đ để trừ phí bán đấu giá, thuế đất khi quyết toán còn thừa sẽ chuyển trả tiếp cho Ngân hàng. Còn một số tài sản khác thì Ngân hàng và công ty đã tự thỏa thuận với nhau bán để Ngân hàng thu hồi nợ. Ngân hàng rút đơn khởi kiện công ty, Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Định không có ý kiến gì, đề nghị Tòa giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi liên quan bà Đinh Thị Thu H1 trình bày:

Bà là con ruột của ông Đinh D và bà Văn Thị N. Ông D và bà N được Ủy ban nhân dân thành phố Q cấp quyền sử dụng đất có diện tích 64,6m² tọa lạc tại tổ 5, khu vực 12, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định, tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00286, ngày 19 tháng 12 năm 2005, số phát hành AB 505189, ngôi nhà gắn liền trên diện tích đất nói trên đã được ông D và bà N lập hợp đồng tặng cho bà Đinh Thị Thu H1, sau đó bà H1 chuyển nhượng cho bà H. Khi chuyển nhượng nhà, đất nói trên giữa bà H1 và bà H có đến phòng công chứng số 1 tỉnh Bình Định để lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất có tài sản gắn liền với đất vào ngày 18 tháng 5 năm 2007 đã được công chứng viên chứng nhận. Khi lập hợp đồng chuyển nhượng này bà H đã giao đủ số tiền nhận chuyển nhượng nhà, đất cho bà H1 nhận và bà H1 đã giao giấy tờ nhà, đất cho bà H. Như vậy, ngôi nhà gắn liền trên thửa đất nói trên thuộc quyền sở hữu và sử dụng hợp pháp của vợ chồng bà H từ năm 2007 cho đến nay.

Lý do vì sao vợ chồng bà H chưa làm thủ tục sang tên (chỉnh lý thông tin) thì bà H1 không biết. Hiện nay nhà, đất nói trên thuộc quyền sở hữu và sử dụng của vợ chồng bà H, bà H1 không có khiếu nại, tranh chấp gì.

Việc vợ chồng bà H thế chấp tài sản nói trên để vay tiền tại Ngân hàng không liên quan gì đến bà H1.

Người có quyền lợi liên quan bà Trương Thị H2 không có lời khai.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 02/2021/DS-ST ngày 24 tháng 03 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, Điều 147, khoản 4 Điều 217, Điều 227, khoản 2 Điều 245, khoản 3 Điều 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Điều 8 Luật doanh nghiệp 2005 và khoản 1 Điều 13 Luật doanh nghiệp 2014.

Căn cứ khoản 1 Điều 93, Điều 122, Điều 127, Điều 128, Điều 342, Điều 344, Điều 347, Điều 355, Điều 362, Điều 363, Điều 369, Điều 471, Điều 474, Điều 715, Điều 717, Điều 719 và Điều 720 Bộ luật dân sự.

Căn cứ tiêu mục 6 mục II Công văn số: 64/TANDTC-PC ngày 03/4/2019 về việc thông báo kết quả giải đáp trực tuyến một số vướng mắc về hình sự, dân sự và tố tụng hành chính của Tòa án nhân dân tối cao.

Căn cứ Điều 18 của Pháp lệnh án phí lệ phí Tòa án năm 2009; các Điều 18, 25, 26, khoản 1 Điều 48 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần X Việt Nam.

2. Công nhận Hợp đồng tín dụng số 03/2010/HĐTD-HM ngày 07/01/2010; Hợp đồng tín dụng số 542/2011/0000305/HĐTD-HM ngày 30/01/2011 là hợp pháp.

3. Công nhận các hợp đồng hợp pháp gồm:

Hợp đồng thế chấp số 114/2010/HĐTC ngày 18/7/2010;

Hợp đồng thế chấp số 74/2010/HĐTC ngày 17/6/2010;

Hợp đồng thế chấp số 76/2010/HĐTC ngày 17/6/2010;

Hợp đồng thế chấp số 75/2010/HĐTC ngày 17/6/2010;

Hợp đồng thế chấp số 112/2010/HĐTC ngày 27/8/2010;

Hợp đồng thế chấp hàng hóa số 113/2010/HĐTC ngày 27/8/2010;

Hợp đồng bảo đảm bằng hàng hóa số 07/2011/HĐTC ngày 28/01/2011;

Hợp đồng bảo đảm bằng hàng hóa số 156/2010/HĐTC ngày 05/11/2010.

4. Tuyên bố hợp đồng bảo lãnh và thế chấp tài sản số 05040010/HĐBL ngày 20/01/2005 xác lập giữa hai vợ chồng bà Nguyễn Thị Ngọc H, ông Lê Phước S với Ngân hàng TMCP X Việt Nam - Chi nhánh KCN P hết hiệu lực ngày 20/01/2008, nên không phát sinh nghĩa vụ bảo đảm trả nợ bằng tài sản thế chấp cho các hợp đồng tín dụng được xác lập giữa Ngân hàng TMCP X Việt Nam - Chi nhánh KCN P với Công ty TNHH PT sau ngày 20/01/2008.

5. Tuyên bố hợp đồng thế chấp số 219/HĐTC ngày 05/11/2010 xác lập giữa vợ chồng bà Nguyễn Thị Ngọc H, ông Lê Phước S với Ngân hàng TMCP X Việt Nam - Chi nhánh KCN P vô hiệu tại thời điểm ký kết.

Buộc Ngân hàng TMCP X Việt Nam - Chi nhánh khu công nghiệp P phải trả lại toàn bộ giấy tờ đã nhận (Bản chính) liên quan đến tài sản thế chấp theo hợp đồng bảo lãnh số 05040010/HĐBL ngày 20/01/2005; hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất số 219/HĐTC ngày 05/11/2010 cho vợ chồng

ông Lê Phước S và bà Nguyễn Thị Ngọc H

6. Bác yêu cầu của bà Nguyễn Thị Ngọc H yêu cầu Ngân hàng thương mại cổ phần X Việt Nam phải hoàn trả lại cho bà H 7.370.184.887 đồng.

7. Bà H không có quyền khởi kiện yêu cầu tòa hủy kết quả bán đấu giá nhà xưởng, trang trại bò sữa.

Đối với những tài sản thế chấp cho Ngân hàng của Công ty PT đã được xử lý để thi hành án nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, Hội đồng xét xử không xem xét.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo và thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 05/4/2021, bà Nguyễn Thị Ngọc H kháng cáo bản án sơ thẩm; yêu cầu:

- Hủy 02 hợp đồng tín dụng số 03/2010/HĐTD-HM ngày 07/01/2010 và số 542/2011/0000305/HĐTD-HM ngày 30/01/2011; vì ông Lê Phước S ký kết hợp đồng vay vốn của Ngân hàng không thông qua Hội đồng thành viên của Công ty TNHH PT là không đúng quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty TNHH PT.

- Hủy hợp đồng thế chấp tài sản số 114/2010/HĐTC ngày 17/8/2010; vì hợp đồng không được công chứng chứng thực và không đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật.

Ngày 05/4/2021, Ngân hàng TMCP X Việt Nam kháng cáo bản án sơ thẩm; yêu cầu xem xét lại việc buộc ngân hàng trả lại giấy tờ liên quan đến tài sản thế chấp theo hợp đồng số 05040010/HĐBL ngày 20/01/2005 và hợp đồng số 219/HĐTC ngày 05/11/2010 cho vợ chồng bà Nguyễn Thị Ngọc H, ông Lê Phước S.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Người kháng cáo không rút, thay đổi hoặc bổ sung kháng cáo. Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện.

Đại diện VKSND cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và của những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về nội dung vụ án:

Giữa Công ty TNHH PT (sau đây viết tắt là Công ty PT) với Ngân hàng Thương mại cổ phần X Việt Nam - Chi nhánh khu công nghiệp P (sau đây viết tắt là Ngân hàng) ký kết 02 hợp đồng tín dụng và 10 hợp đồng thế chấp bảo đảm thực hiện hợp đồng tín dụng như sau:

[1.1] Hợp đồng tín dụng số 03/2011/HĐTD-HM ngày 07/01/2010, hạn mức 30.000.000.000 đồng, đã giải ngân 2.698.500.000 đồng, lãi suất 12%/năm, trả lãi hàng tháng và thời hạn cho vay 12 tháng.

[1.2] Hợp đồng tín dụng số 542/2011/0000305/HĐTD-HM ngày 30/01/2011, hạn mức 30.000.000.000 đồng, đã giải ngân 27.250.000.000 đồng, lãi suất 18%/năm, trả lãi hàng tháng và thời hạn cho vay 12 tháng.

[1.3] Tài sản bảo đảm thực hiện hợp đồng tín dụng số 03/2011/HĐTD-HM ngày 07/01/2010 và hợp đồng tín dụng số 542/2011/0000305/HĐTD-HM ngày 30/01/2011 nêu trên, bao gồm các hợp đồng và tài sản như sau:

[1.3.1] Tài sản của Công ty PT:

- Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 74/2010/HĐTC ngày 17/6/2010 thì tài sản thế chấp là các công trình nhà xưởng chế biến gỗ gắn liền thửa đất số 1038, tờ bản đồ số 12 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 00127 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định cấp ngày 13/4/2004 cho Công ty PT.

- Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 114/2010/HĐTC ngày 17/8/2010 thì tài sản thế chấp là toàn bộ tài sản gắn liền quyền sử dụng thửa đất của Công ty PT được Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 668918 ngày 13/4/2004, phạm vi bảo đảm 2.100.000.000 đồng.

- Hợp đồng thế chấp tài sản số 75/2010/HĐTC ngày 17/6/2010, tài sản thế chấp gồm: Xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA, biển kiểm soát 77H-0135; xe tải nhãn hiệu ASIA, biển kiểm soát 77H-8029 và xe đầu kéo nhãn hiệu HYUNDAI, biển kiểm soát 77H-5007; hợp đồng thế chấp tài sản số 76/2010/HĐTC ngày 17/6/2010, tài sản thế chấp là xe ô tô nhãn hiệu MERCEDES, biển kiểm soát 77H-7777 và hợp đồng thế chấp tài sản số 112/2010/HĐTC ngày 27/8/2010, tài sản thế chấp gồm: Xe ô tô khách nhãn hiệu FORD, biển kiểm soát 77L-3376; xe tải nhãn hiệu KIA, biển kiểm soát 77L-3386; xe tải nhãn hiệu KIA, biển kiểm soát 77L-3302 và xe tải nhãn hiệu KIA biển kiểm soát 77L-3311; Các xe ô tô đã được Công an tỉnh Bình Định cấp Giấy đăng ký đứng tên Công ty PT.

- Hợp đồng thế chấp hàng hóa số 113/2010/HĐTC ngày 27/8/2010, tài sản thế chấp là Gỗ nguyên liệu có giá trị định giá 1.870.000.000 đồng.

- Hợp đồng thế chấp hàng hóa số 156/2010/HĐTC ngày 05/11/2010, tài sản thế chấp là Gỗ nguyên liệu có giá trị định giá 3.760.000.000 đồng.

- Hợp đồng thế chấp hàng hóa số 07/2011/HĐTC ngày 28/01/2011, tài sản thế chấp là Gỗ nguyên liệu có giá trị định giá 2.160.000.000 đồng.

Tất cả các hợp đồng thế chấp nêu trên đều đứng tên Công ty PT và đã được được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm.

[1.3.2] Tài sản của ông Lê Phước S và bà Nguyễn Thị Ngọc H:

- Hợp đồng bảo lãnh bằng tài sản số 05040010/HĐTC ngày 20/01/2005, tài sản thế chấp là nhà đất tọa lạc tại địa chỉ 218 N, thành phố Q, tỉnh Bình Định theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R240822 ngày 14/8/2000 của Ủy ban nhân

dân tỉnh Bình Định; phạm vi bảo đảm 1.260.000.000 đồng, thời hạn bảo đảm 36 tháng từ ngày 20/01/2005 đến ngày 20/01/2008.

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 219/HĐTC ngày 05/11/2010, tài sản thế chấp là nhà đất tọa lạc tại tổ 5, khu vực 12, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 505189 ngày 19/12/2005 của Ủy ban nhân dân thành phố Q; phạm vi bảo đảm 500.000.000 đồng.

[1.4] Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty PT vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên X - P khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định buộc Công ty PT thanh toán nợ và nếu Công ty PT không trả nợ thì yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm theo các hợp đồng thế chấp nêu trên để thu hồi nợ.

[1.5] Vụ án được Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định thụ lý sơ thẩm lần đầu vào ngày, đến nay đã qua nhiều cấp; nhiều lần xét xử sơ thẩm, phúc thẩm và giám đốc thẩm. Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2021/KDTM-ST ngày 24/3/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đã xét xử lại sơ thẩm và Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2021/KDTM-ST ngày 24/3/2021 bị bà Nguyễn Thị Ngọc H và Ngân hàng Thương mại cổ phần X Việt Nam - Chi nhánh khu công nghiệp P kháng cáo.

[1.6] Theo Công văn số 941/CTHADS-NV ngày 06/7/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định thể hiện các tài sản Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định phối hợp với chính quyền địa phương cưỡng chế, kê biên xử lý và tổ chức bán đấu giá của Công ty TNHH PT gồm:

- Công trình nhà xưởng trên thửa đất số 1038, tờ bản đồ 12, Quốc lộ 19, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 493814 do UBND tỉnh Bình Định cấp ngày 12/10/2004. Số tiền bán đấu giá là 11.536.500.000 đồng.

- Khu chăn nuôi tập trung tại thôn Thọ Tân Bắc, xã Nhơn Tân, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 668918 do UBND tỉnh Bình Định cấp ngày 13/4/2004. Số tiền thỏa thuận bán được là 2.100.000.000 đồng.

- Các xe ô tô các loại đã được X - P và Công ty PT đã thỏa thuận xử lý bán xong.

- Các tài sản chưa kê biên xử lý:

+ Nhà ở và đất ở tại 218 N, thành phố Q của ông Lê Phước S và bà Nguyễn Thị Ngọc H.

+ Nhà và đất ở tại Tổ 5, khu vực 12, phường N, thành phố Q;

- Về án phí: Đã hoàn trả X - P số tiền tạm ứng án phí 69.500.000 đồng theo biên lai thu số 004532 ngày 11/10/2011 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định.

[2] Về kháng cáo:

[2.1] Theo các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của phòng Đăng ký doanh nghiệp thuộc Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp cho Công ty PT thì

ông Lê Phước S là đại diện theo pháp luật của Công ty nên theo quy định tại khoản 1 Điều 93, Điều 139 Bộ luật Dân sự năm 2005 và khoản 1 Điều 67 Luật Doanh nghiệp 2005, ông S có quyền nhân danh công ty xác lập các hợp đồng tín dụng với Ngân hàng và Công ty PT phải chịu trách nhiệm dân sự về các hợp đồng tín dụng do ông S nhân danh Công ty PT để xác lập, thực hiện. Do đó, việc ông S đại diện cho công ty TNHH PT ký kết hợp đồng vay tín dụng của Ngân hàng là đúng thẩm quyền và khi ký các hợp đồng tín dụng số 03 và Hợp đồng tín dụng số 542 thì các bên ký kết hợp đồng có đủ năng lực hành vi dân sự, nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật; Công ty PT vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Công ty PT phải thanh toán nợ cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi phát sinh của 02 hợp đồng tín dụng số 03/2010/HĐTD-HM ngày 07/01/2010 và số 542/2011/0000305/HĐTD-HM ngày 30/01/2011 như bản án sơ thẩm quyết định là có căn cứ.

Kháng cáo của bà H cho rằng ông S ký kết, thực hiện các hợp đồng tín dụng số 03/2010/HĐTD-HM ngày 07/01/2010 và số 542/2011/0000305/HĐTD-HM ngày 30/01/2011, ông S không thông qua Hội đồng thành viên của Công ty TNHH PT theo điều lệ Công ty PT, được giải quyết theo quy định tại Điều 12 và Điều 13 Luật Doanh nghiệp 2014.

[2.2] Về các hợp đồng bảo lãnh, thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản:

[2.2.1] Đối với Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 114/2010/HĐTC ngày 27/8/2010; có nội dung Công ty PT thế chấp cho Ngân hàng toàn bộ công trình, tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 668918 ngày 13/4/2004.

Hợp đồng thế chấp số 114 ngày 27/8/2010 do ông S là người đại diện theo pháp luật của Công ty PT xác lập là đúng thẩm quyền. Hợp đồng thế chấp số 114 ngày 27/8/2010 không thực hiện công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định tại Điều 146 Luật đất đai năm 2003; Điều 343, Điều 717 và Điều 719 Bộ luật dân sự; điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ nên Hợp đồng thế chấp số 114 ngày 27/8/2010 bị vô hiệu. Tuy nhiên, quá trình xét xử vụ án quá trình thi hành án khoản nợ vay của Ngân hàng, Công ty PT không có yêu cầu tuyên bố vô hiệu và đã tự xử lý bán quyền sử dụng đất nêu trên với tổng số tiền là 2.100.000.000 đồng, đã chuyển trả nợ cho Ngân hàng. Bên cạnh đó, đây là tài sản của Công ty PT; bà H không có quyền lợi ích liên quan. Vì vậy, không có căn cứ hủy hợp đồng thế chấp tài sản số 114/2010/HĐTC ngày 17/8/2010.

[2.2.2] Đối với Hợp đồng bảo lãnh số 05040010/HĐBL ngày 20/1/2005:

Tài sản bảo lãnh là nhà và đất ở tại số 218 N, tp. Q tại Hợp đồng bảo lãnh số 05040010/HĐBL ngày 20/1/2005 là của ông Lê Phước S và bà Nguyễn Thị Ngọc H; ông S và bà H bảo lãnh cho khoản vay của Công ty TNHH PT, thời hạn bảo lãnh là 36 tháng và đến ngày 20/01/2008 là hết thời hạn bảo lãnh. Tuy nhiên, hợp đồng tín dụng số 03/2010/HĐTD-HM ngày 07/01/2010 và hợp đồng tín dụng số 542/2011/0000305/HĐTD-HM ngày 30/01/2011 đã dùng tài sản nhà và đất ở tại số

218 N, tp. Q của hợp đồng bảo lãnh số 05040010/HĐBL ngày 20/1/2005 trước đó để đảm bảo cho các khoản vay mới (*năm 2010, 2011*) là không đúng theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo lãnh số 05040010/HĐBL ngày 20/1/2005. Mặt khác, Hợp đồng bảo lãnh số 05040010/HĐBL ngày 20/1/2005 chưa thực hiện đăng ký giao dịch bảo đảm là không đúng quy định điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ. Vì vậy, việc dùng Nhà và đất tại số 218 N, tp. Q thế chấp, bảo lãnh trả nợ cho hai Hợp đồng tín dụng số 542/2011/00003 05/HĐTD-HM và số 03/2010/HĐTD-HM không có hiệu lực và vi phạm điều cấm của pháp luật nên bị vô hiệu.

[2.2.3] Đối với Hợp đồng thế chấp số 219/HĐTC ngày 05/11/2010:

Tài sản thế chấp là Nhà và đất tại tổ 5, KV 12, p. N, tp. Q tại Hợp đồng thế chấp số 219/HĐTC ngày 05/11/2010, đây là tài sản chung của ông Lê Phước S và bà Nguyễn Thị Ngọc H nhưng hợp đồng thế chấp số 219/HĐTC không có chữ ký của bà H và hợp đồng trên cũng không được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật. Do đó, Hợp đồng thế chấp số 219/HĐTC ngày 05/11/2010 bị vô hiệu do vi phạm điều cấm của pháp luật.

[2.2.4] Các Hợp đồng bảo lãnh số 05040010/HĐBL ngày 20/1/2005 và Hợp đồng thế chấp số 219/HĐTC ngày 05/11/2010 bị vô hiệu nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc ngân hàng trả lại toàn bộ giấy tờ đã nhận có liên quan đến tài sản thế chấp theo hợp đồng bảo lãnh số 05040010/HĐBL ngày 20/01/2005 và hợp đồng thế chấp số 219/HĐTC ngày 05/11/2010 cho vợ chồng bà Nguyễn Thị Ngọc H, ông Lê Phước S là đúng pháp luật.

[2.2.5] Đối với các Hợp đồng thế chấp tài sản còn lại là các tài sản đứng tên chủ sở hữu là Công ty PT; do ông Lê Phước S là người đại diện của Công ty PT xác lập và thực hiện theo đúng quy định về thủ tục và hình thức; việc ký kết hợp đồng trên cơ sở tự nguyện, không trái quy định của pháp luật và đạo đức xã hội nên có hiệu lực pháp luật. Do đó, kháng cáo yêu cầu Ngân hàng phải trả lại 50% giá trị tài sản đã được thi hành án của bà H không có căn cứ chấp nhận; vì: Các tài sản do Công ty tự nguyện thỏa thuận bán để trả tiền vay và các tài sản phát mãi thi hành án là các tài sản đứng tên chủ sở hữu là Công ty TNHH PT; bà H không phải là thành viên Công ty PT, không ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của bà H.

[3] Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Ngọc H và Ngân hàng TMCP X Việt Nam. Do không chấp nhận kháng cáo nên những người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm.

[4] Các quyết định còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo và kháng nghị cấp phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Ngọc H và Ngân hàng TMCP X Việt Nam; giữ nguyên Quyết định của bản án sơ thẩm.

Căn cứ khoản 1 Điều 30, Điều 147, khoản 4 Điều 217, Điều 227, khoản 2 Điều 245, khoản 3 Điều 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Điều 8 Luật doanh nghiệp 2005 và khoản 1 Điều 13 Luật doanh nghiệp 2014.

Căn cứ khoản 1 Điều 93, Điều 122, Điều 127, Điều 128, Điều 342, Điều 344, Điều 347, Điều 355, Điều 362, Điều 363, Điều 369, Điều 471, Điều 474, Điều 715, Điều 717, Điều 719 và Điều 720 Bộ luật dân sự.

Căn cứ Điều 18 của Pháp lệnh án phí lệ phí Tòa án năm 2009; các Điều 18, 25, 26, khoản 1 Điều 48 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử:

1. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần X Việt Nam.

2. Công nhận Hợp đồng tín dụng số 03/2010/HĐTD-HM ngày 07/01/2010; Hợp đồng tín dụng số 542/2011/0000305/HĐTD-HM ngày 30/01/2011 là hợp pháp.

3. Công nhận các hợp đồng hợp pháp gồm:

Hợp đồng thế chấp số 114/2010/HĐTC ngày 18/7/2010;

Hợp đồng thế chấp số 74/2010/HĐTC ngày 17/6/2010;

Hợp đồng thế chấp số 76/2010/HĐTC ngày 17/6/2010;

Hợp đồng thế chấp số 75/2010/HĐTC ngày 17/6/2010;

Hợp đồng thế chấp số 112/2010/HĐTC ngày 27/8/2010;

Hợp đồng thế chấp hàng hóa số 113/2010/HĐTC ngày 27/8/2010;

Hợp đồng bảo đảm bằng hàng hóa số 07/2011/HĐTC ngày 28/01/2011;

Hợp đồng bảo đảm bằng hàng hóa số 156/2010/HĐTC ngày 05/11/2010.

4. Tuyên bố hợp đồng bảo lãnh và thế chấp tài sản số 05040010/HĐBL ngày 20/01/2005 xác lập giữa hai vợ chồng bà Nguyễn Thị Ngọc H, ông Lê Phước S với Ngân hàng TMCP X Việt Nam - Chi nhánh KCN P hết hiệu lực ngày 20/01/2008, nên không phát sinh nghĩa vụ bảo đảm trả nợ bằng tài sản thế chấp cho các hợp đồng tín dụng được xác lập giữa Ngân hàng TMCP X Việt Nam - Chi nhánh KCN P với Công ty TNHH PT sau ngày 20/01/2008.

5. Tuyên bố hợp đồng thế chấp số 219/HĐTC ngày 05/11/2010 xác lập giữa vợ chồng bà Nguyễn Thị Ngọc H, ông Lê Phước S với Ngân hàng TMCP X Việt Nam - Chi nhánh KCN P vô hiệu tại thời điểm ký kết.

Buộc Ngân hàng TMCP X Việt Nam - Chi nhánh khu công nghiệp P phải trả lại toàn bộ giấy tờ đã nhận (Bản chính) liên quan đến tài sản thế chấp theo hợp đồng bảo lãnh số 05040010/HĐBL ngày 20/01/2005; hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất số 219/HĐTC ngày 05/11/2010 cho vợ chồng ông Lê Phước S và bà Nguyễn Thị Ngọc H

6. Bác yêu cầu của bà Nguyễn Thị Ngọc H yêu cầu Ngân hàng thương mại cổ phần X Việt Nam phải hoàn trả lại cho bà H 7.370.184.887 đồng.

7. Bà H không có quyền khởi kiện yêu cầu tòa hủy kết quả bán đấu giá nhà xưởng, trang trại bò sữa.

8. Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Bà Nguyễn Thị Ngọc H và Ngân hàng TMCP X Việt Nam mỗi người phải chịu 2.000.000đ.

Bà H được trừ vào 2.000.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng số 0000005 ngày 15/4/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định.

Ngân hàng TMCP X được trừ vào 2.000.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng số 0000007 ngày 16/4/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định.

9. Quyết định còn lại của bản án sơ thẩm có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- Cục THADS tỉnh Bình Định;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn, lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Lê Phước Thanh